

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH LƯƠNG**

Số: /TB-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Lương, ngày 03 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị hồ sơ chuyển đổi số

Thực hiện Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025; Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 14/01/2022 về việc Thực hiện Chương trình hành động số 103-CTr/HU, ngày 20/12/2021 của Huyện ủy Như Xuân về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Chủ tịch UBND xã giao nhiệm vụ cho từng công chức chuyên môn khối UBND xã chuẩn bị danh mục tài liệu minh chứng, cụ thể như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Thành phần Tài liệu minh chứng	Công chức cung cấp tài liệu
1	Chính quyền số		
1.1	Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu về chuyển đổi số theo giai đoạn và hàng năm.	- Kế hoạch giai đoạn; Kế hoạch hàng năm. - Báo cáo đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch.	Công chức Văn phòng TK; Công chức Văn hóa – XH.
1.2	Lãnh đạo, cán bộ, công chức trên địa bàn cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử	Báo cáo hàng tháng của Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình thực hiện Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức Văn hóa – XH.
1.3	Các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).	Báo cáo hàng tháng của Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình thực hiện Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức Văn hóa – XH.

TT	Tên chỉ tiêu	Thành phần Tài liệu minh chứng	Công chức cung cấp tài liệu
1.4	Cán bộ, công chức xã có hộp thư điện tử công vụ của các cơ quan Nhà nước cấp.	Thực hiện theo Công văn số 917/VP-CNTT ngày 12/6/2023 của Văn phòng UBND tỉnh về việc cung cấp biểu mẫu báo cáo kết quả, thẩm định, thẩm tra, công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã về thư điện tử công vụ.	Công chức Văn phòng TK;
1.5	Hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã tiếp nhận, cập nhật, xử lý trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.	Thực hiện theo Công văn số 222/HCC-HCQT ngày 13/6/2023 của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả, thẩm định, thẩm tra công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã.	Công chức Văn phòng TK;
1.6	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến.	Thực hiện theo Công văn số 222/HCC-HCQT ngày 13/6/2023 của Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả, thẩm định, thẩm tra công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã (Biểu 06 a)	Công chức VP TK
1.7	Ứng dụng nền tảng số hỗ trợ chính quyền cấp xã giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân (Kênh zalo, Trang Thông tin điện tử, ...)	Liệt kê trong báo cáo các đường link đến các ứng dụng của cấp xã để giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân.	Công chức Văn hóa – Xã hội
1.8	Khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương đảm bảo thông suốt, hiệu quả.	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung. - Báo cáo đánh giá tình hình sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương, có số liệu chứng minh. 	Công chức Tài chính – KT; công chức Tư Pháp hộ tịch; công chức Địa chính – XD. Công chức VP TK. Các công chức đang sử dụng phần mềm có liên quan.

TT	Tên chỉ tiêu	Thành phần Tài liệu minh chứng	Công chức cung cấp tài liệu
1.9	Trang thông tin điện tử hoạt động tuân theo quy định Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị. - Cung cấp các văn bản: Quyết định thành lập Ban biên tập, Quy chế hoạt động. - Thống kê tổng hợp tin, bài, hình ảnh, video đã đăng tải trên Trang thông tin điện tử. 	Công chức Văn hóa - XH
1.10	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tổ chức Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan - Công văn triệu tập, cử cán bộ công chức tham gia các khóa đào tạo, các Hội nghị, lớp tập huấn; các hình ảnh, video, tài liệu minh chứng việc tổ chức thực hiện. 	CC Văn phòng TK
1.11	Triển khai các nền tảng công nghệ, ứng dụng phòng, chống dịch theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tổ chức Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan - Công văn triệu tập, cử cán bộ công chức tham gia các khóa đào tạo, các Hội nghị, lớp tập huấn; các hình ảnh, video, tài liệu minh chứng việc tổ chức thực hiện. 	Công chức VH – XH, Trưởng trạm y tế xã.
2	Kinh tế số		
2.1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyên đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tổ chức Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan - Công văn triệu tập, cử cán bộ công 	Công chức Địa chính – NLN.

TT	Tên chỉ tiêu	Thành phần Tài liệu minh chứng	Công chức cung cấp tài liệu
		chức tham gia các khóa đào tạo, các Hội nghị, lớp tập huấn; các hình ảnh, video, tài liệu minh chứng việc tổ chức thực hiện.	
2.2	Các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế của xã, sản phẩm OCOP được quảng bá, giới thiệu trên mạng internet (trang thông tin điện tử, mạng xã hội,...)	Thực hiện theo Công văn số 2848/SNN&PTNT-QLCL ngày 13/6/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức Địa chính – NLN.
2.3	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, sản xuất có sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế được đưa lên sàn thương mại điện tử postmart.vn, voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác.	Thực hiện theo Công văn số 1615/SCT-XNK ngày 14/6/2023 của Sở Công thương về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức Địa chính – NLN.
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử	Thực hiện theo Công văn số 797a/THH-NSKSNB ngày 13/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức Tài chính – KT.
2.5	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	Danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn có sử dụng hợp đồng điện tử (theo mẫu số 2.5).	Công chức Tài chính – KT.
2.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	Danh sách doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn, trong đó thể hiện cụ thể việc sử dụng các nền tảng số của các doanh nghiệp (theo	Công chức Tài chính – KT.

TT	Tên chỉ tiêu	Thành phần Tài liệu minh chứng	Công chức cung cấp tài liệu
		mẫu số 2.6).	
3	Xã hội số		
3.1	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được thông tin, tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện - Tài liệu nội dung để thông tin, tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cơ bản cho người dân. 	Công chức Văn hóa – XH, Văn hóa, LDTBXH.
3.2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	Thực hiện theo Công văn số 797a/THH-,NSKSNB ngày 13/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức Văn hóa – XH, Văn hóa, LDTBXH.
3.3	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản	Danh sách thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản (theo mẫu số 3.3)	Công chức Văn hóa – XH, Văn hóa, LDTBXH.
3.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	Danh sách dân số trưởng thành có điện thoại thông minh (theo mẫu số 3.3)	Công chức Văn hóa – XH, Văn hóa, LDTBXH.
3.5	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, được cập nhật, bổ sung thông tin thường xuyên.	Thực hiện theo Công văn số 2579/SYT-VP ngày 21/6/2023 của Sở Y tế về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức VH – XH, Trưởng trạm y tế xã.
3.6	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa .	Thực hiện theo Công văn số 2579/SYT-VP ngày 21/6/2023 của Sở Y tế về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức VH – XH, Trưởng trạm y tế xã.

TT	Tên chỉ tiêu	Thành phần Tài liệu minh chứng	Công chức cung cấp tài liệu
3.7	Các trường tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	Thực hiện theo Công văn số 1908/SGDDĐT-VP ngày 23/6/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức VH – XH, Hiệu trưởng trường MN, trường TH&THCS.
3.8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục và đào tạo chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt	Thực hiện theo Công văn số 1908/SGDDĐT-VP ngày 23/6/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 2559/SLĐT BXH-GDNN ngày 14/6/2023 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức VH – XH, Hiệu trưởng trường MN, trường TH&THCS.
3.9	Số lượng người dân có tài khoản định danh điện tử	Thực hiện theo Công văn số 2705/CAT-PV01 ngày 30/8/2023 của Công an tỉnh về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch, Trưởng Công an xã.
3.10	Tỷ lệ dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Danh sách dân số trưởng thành có điện thoại thông minh (theo mẫu số 3.3)	Công chức Văn hóa – XH, Văn hóa, LĐTBXH.
3.11	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Cung cấp danh sách thống kê số lượng dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến (theo mẫu số 3.3).	Công chức Tư pháp – Hộ tịch

TT	Tên chỉ tiêu	Thành phần Tài liệu minh chứng	Công chức cung cấp tài liệu
3.12	Tỷ lệ hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.	Thực hiện theo Công văn số 1615/SCT-XNK ngày 14/6/2023 của Sở Công thương về việc cung cấp tài liệu hướng dẫn triển khai và các biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí được giao tại số Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức Địa chính – XD, Công chức TC – KT.
4	Hạ tầng số		
4.1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G sẵn sàng cung cấp dịch vụ đến các hộ gia đình.	- Danh sách các hộp cáp quang có xác nhận của các doanh nghiệp viễn thông; danh sách các trạm thông tin di động BTS trên địa bàn (Theo mẫu số 4.1).	Công chức Văn hóa – XH.
4.2	Hạ tầng và trang thiết bị CNTT tại UBND xã đáp ứng phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.	- Quyết định phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ. - Hồ sơ, tài liệu chứng minh đã thực hiện phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.	Công chức Văn hóa – XH.
4.3	100% CBCC có máy tính phục vụ công việc	Danh sách cán bộ công chức có máy tính để phục vụ công tác (Theo mẫu 1.4).	Công chức VPTK
4.4	Có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ cấp xã đến cấp huyện, tỉnh và Trung ương (Khuyến khích đến cấp thôn).	Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến hàng năm.	Công chức Văn hóa – XH.
4.5	Có điểm phát wifi công cộng tại các địa điểm quan trọng trong xã tùy thuộc điều kiện (như tại UBND xã, nhà văn hoá, các điểm du lịch,...).	Danh sách điểm phát wifi công cộng (Theo mẫu 4.5).	Công chức Văn hóa – XH.
4.6	Có hệ thống Camera an ninh được kết nối đến UBND xã hoặc công an xã để quản lý và giám sát	Thực hiện theo hướng dẫn của ngành Công an.	Trưởng Công an xã.
4.7	Hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông - CNTT	Hồ sơ, tài liệu liên quan chứng minh đài truyền thanh của đơn vị là Hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông – CNTT.	Công chức Văn hóa – XH.

TT	Tên chỉ tiêu	Thành phần Tài liệu minh chứng	Công chức cung cấp tài liệu
4.8	Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại xã (nếu có) trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số	Báo cáo tình hình hoạt động của Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại xã (nếu có) tại địa phương hoặc hình ảnh minh chứng.	Công chức Văn hóa – XH.

Chủ tịch UBND xã yêu cầu các công chức chuyên môn khối UBND xã hoàn thành các tài liệu minh chứng được giao ở các chỉ tiêu ở trên (hoàn thành trước ngày 06/10/2023), báo cáo kết quả về VP UBND xã. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, báo cáo Chủ tịch UBND xã./

Nơi nhận:

- TTr Đảng ủy, HĐND xã;
- CB, CC chuyên môn khối UBND xã;
- Trưởng Công an;
- Trưởng trạm Y tế;
- MTTQ, các đoàn thể;
- Trưởng thôn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Đức Tuấn

CÁC MẪU BẢNG BIỂU

- Các mẫu biểu thực hiện theo hướng dẫn của các sở, ban, ngành phụ trách tiêu chí (có các văn bản kèm theo);
- Các mẫu biểu (đặt theo tên các tiêu chí) do Sở Thông tin và Truyền thông phụ trách như sau:

Mẫu 1.4. Danh sách cán bộ, công chức có máy tính và được cấp hộp thư điện tử công vụ

STT	Họ tên	Chức vụ	Có máy tính làm việc	Hộp thư điện tử công vụ (ghi địa chỉ hộp thư)	Ghi chú
1					
2					
...					
	Tổng cộng				

- Tổng số CBCC của cơ quan: người.
- Tỷ lệ CBCC có máy tính/tổng số CBCC:%
- Tỷ lệ CBCC được cấp hộp thư điện tử công vụ/tổng số CBCC:%

Người thống kê
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND xã
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 2.5. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử

TT	Tên doanh nghiệp	Số điện thoại liên hệ	Sử dụng hợp đồng điện tử		Ghi chú
			Có/Không	Đơn vị cung cấp hợp đồng điện tử	

Tổng số DNVVN:

Tỷ lệ DNVVN sử dụng hợp đồng điện tử:

Cán bộ tổng hợp

CHỦ TỊCH

(Ký ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 2.6. Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số

TT	Tên doanh nghiệp	Số điện thoại liên hệ	Sử dụng nền tảng số	Ghi chú

Tổng số DNVVN:

Tỷ lệ DNVVN sử dụng nền tảng số:

Cán bộ tổng hợp

CHỦ TỊCH

(Ký ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 3.3. Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản

TT	Họ và tên	Số điện thoại liên hệ	Có điện thoại thông minh	Có cài đặt PM ATTT	Có chữ ký số	Có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Ghi chú

Tổng dân số trưởng thành:

Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh:

Tỷ lệ thuê bao điện thoại thông minh được cài đặt phần mềm ATTT:

Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số:

Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến:

Cán bộ tổng hợp

CHỦ TỊCH

(Ký ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 4.1. Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G sẵn sàng cung cấp dịch vụ đến các hộ gia đình.

1. Danh sách hộp cáp cung cấp dịch vụ Internet băng thông rộng

TT	Địa chỉ lắp đặt	Mạng thông tin di động (ghi tên doanh nghiệp)	Ghi chú

2. Danh sách các trạm thu, phát sóng thông tin di động

TT	Tên thôn/bản/khu phố	Hộp cáp cung cấp dịch vụ truy cập Internet băng rộng	Ghi chú

Cán bộ tổng hợp

(Ký ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ)

Xác nhận của UBND xã

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Xác nhận của Doanh nghiệp

VNPT:

Viettel:.....

Mobifone:.....

Mẫu số 4.5. Danh sách các khu vực công cộng, điểm du lịch cộng đồng, ... có wifi công cộng trên địa bàn xã

STT	Khu vực/tên điểm du lịch cộng đồng	Địa chỉ (Số nhà/thôn)	Ghi chú
1	Khu vực UBND xã		
2	Hội trường UBND xã		
...	<i>Các điểm Nhà văn hóa, điểm công cộng, du lịch cộng đồng, ...</i>		
	Tổng cộng		

- Tổng số điểm công cộng có wifi:

Người thống kê
(*ký, ghi rõ họ tên*)

Xác nhận của UBND xã
(*Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu*)